TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10-AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 19/2025/DS-ST Ngày: 12-8-2025 V/v: "Tranh chấp về hợp đồng góp hụi; Hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10-AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ
2. Ông Lương Văn Cẩu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10-An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 10-An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10-An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 49/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp về hợp đồng góp hụi; hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2024/QĐXX-DS ngày 01 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị N, sinh năm 1961 (có mặt);

Cư trú: Tổ A, ấp C, xã C, huyện C, An Giang.

CCCD: 089161008499 cấp ngày 05/9/2022

Điện thoại: 0913.889.789 - 0824.165.561

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn là anh Lê Trung T, sinh năm 1981; cư trú: 7B, T, phường M, thành phố L, An Giang. Nay là 7B, T, phường L, An Giang, văn bản ủy quyền ngày 28/3/2024 (có mặt).

CCCD: 089081008232 cấp ngày 14/7/2022

* *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Huỳnh N1, sinh năm 1993;

CCCD: 089193017824 cấp ngày 18/11/2021

HKTT: Tổ 15, ấp C, xã C, huyện C, An Giang.

ĐCLL: Tiệm tóc nam Huỳnh N1, số B đường H, phường M, thành phố L, tỉnh

An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn là chị Thái Thị Diễm T1, sinh năm 1980; cư trú: Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên hệ: Số A, đường L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Nay là số A, đường L, phường L, tỉnh An Giang văn bản ủy quyền ngày 09/8/2024 (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 12/3/2024, cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đinh Thị N trình bày:*

Bà có tham gia chơi hụi của chị Nguyễn Thị Huỳnh N1 làm chủ hụi, thời gian các dây hụi cụ thể như sau:

1/. Dây hụi 3.000.000 đồng/tháng, gồm 22 phần, áp ngày 25/9/2021 âm lịch. Khi tham gia hụi thì chị N1 có giao sổ hụi, liệt kê các hụi viên tham gia chung một dây. Bà tham gia hai phần, trong sổ hụi ghi tên bà là "Mợ Ba", khui đến lần thứ 14 bà hốt 01 phần, còn 01 phần chưa hốt. Đến lần thứ 15 là ngày 25/10/2022 âm lịch thì ngưng. Bà đã đóng hụi sống 14 lần số tiền là 3.000.000đ x 14 lần x 02 phần = 84.000.000 đồng *(Tám mươi bốn triệu)*. Về hụi đã hốt, bà phải đóng lại hụi chết cho đến khi mãn hụi là 06 lần x 3.000.000đ = 18.000.000 đồng *(Mười tám triệu)*. Cấn trừ một phần hụi sống và một phần hụi chết thì chị N1 còn nợ bà số tiền 84.000.000đ - 18.000.000đ = 66.000.000 đồng *(Sáu mươi sáu triệu đồng).*

2/. Dây hụi 2.000.000đ/tháng gồm 22 phần, áp ngày 15/4/2022 âm lịch, bà tham gia 02 phần chưa hốt, đã đóng được 08 lần, đến lần thứ 09 là vào ngày 15/11/2022 âm lịch thì ngưng, đã đóng được số tiền: 2.000.000đ x 08 lần x 02 phần = 32.000.000đ *(Ba mươi hai triệu đồng).*

3/. Dây hụi 50.000đ/ngày, khui ngày 20/8/2022 âm lịch, gồm 120 phần, bà tham gia 40 phần, đóng cho N1 02 triệu/ngày (40 phần x 50.000đ = 2.000.000đ/ngày) đóng liên tục từ ngày 20/8/2022 đến ngày 10/11/2022 âm lịch là: 79 ngày x 02 triệu/ngày = 158.000.000đ (*Một trăm năm mươi tám triệu đồng).*

Trong khoảng thời gian chơi hụi, bà có cho chị N1 mượn 4.240.000đ *(Bốn triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng)* đến nay chưa trả.

Việc ngưng khui hụi là do là chị Huỳnh N1 tuyên bố "bể hụi". Sau đó, bà và chị N1 có gặp nhau và thống nhất tổng cộng tiền hụi chị Nguyễn Thị Huỳnh N1 nợ bà là 66.000.000đ + 32.000.000đ + 158.000.000đ + 4.240.000đ = 260.240.000đ *(Hai trăm sáu mươi triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).*

Ngoài ra, vào ngày 06/6/2022 âm lịch chị Nguyễn Thị Huỳnh N1 có vay mượn số tiền 40.000.000đ *(Bốn mươi triệu đồng)* đến nay cũng chưa trả.

Như vậy, tổng cộng số tiền chị N1 nợ tiền hụi và tiền mượn của bà là 260.240.000đ + 40.000.000đ = 300.240.000 đồng *(Ba trăm triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).* Chị N1 có kêu bà viết Tờ cam kết trả nợ ngày 07/01/2023 âm lịch, tờ cam kết này là do bà viết, chị N1 trực tiếp viết tên và ký vào. Theo cam kết trên thì mỗi tháng chị N1 phải trả cho bà 10.000.000 đồng, nhưng hiện tại chưa trả được

khoản tiền nào. Bà có điện thoại liên lạc nhiều lần thì chị N1 chỉ hứa hẹn lần lựa, đưa ra nhiều lý do, cuối cùng tránh né bà, không liên lạc được nữa, gọi điện thoại đổ chuông nhưng không nghe máy. Do chị N1 cố tình không thanh toán nợ, làm bà lâm vào hoàn cảnh khó khăn, kéo dài thời gian đến nay.

Vì trước đây chỉ dựa vào lời khai của chị N1 bà đã ghi không chính xác họ tên của chị N1 trong Tờ cam kết trả nợ. Bà đã ghi tên người nợ tiền là Nguyễn Huỳnh N1, sinh năm 1994. Nay biết được họ tên chính xác của bị đơn nên xác định lại yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: buộc chị Nguyễn Thị Huỳnh N1, sinh năm 1994 phải trả cho bà số tiền 300.240.000 đồng (*Ba trăm triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng*). Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, biết được điều kiện hoàn cảnh của bị đơn khó khăn nên nguyên đơn tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 282.240.000 đồng *(Hai trăm tám mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng),* chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 18.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi suất từ ngày 06/6/2024 cho đến ngày Tòa án xét xử.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà N là anh Lê Trung T thống nhất với nội dung trình bày của bà N. Sau khi được Tòa án động viên, nguyên đơn đồng ý thay đổi yêu cầu khởi kiện như ban đầu, chỉ yêu cầu trả tiền còn thiếu, không yêu cầu tính lãi suất.

* *Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh N1:* Mặc dù Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn chị N1 vẫn vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đối chất. Chị N1 cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, tại Biên bản lấy lời khai của bị đơn vào ngày 06/6/2024 thể hiện: bị đơn thừa nhận có làm chủ hụi và mở dây hụi cho nguyên đơn bà N tham gia. Chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì việc chơi hụi giữa các bên đã thanh toán xong. Tại tờ cam kết ngày 07/01/2023 âm lịch, ghi không đúng tên của chị, vì họ tên đầy đủ của chị là Nguyễn Thị Huỳnh N1, sinh năm 1993, không phải Nguyễn Huỳnh N1, sinh năm 1994 nên chị không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn. Chị thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền lời khoảng 18.000.000đồng *(Mười tám triệu đồng)* thì chị xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 cho đến khi hết số nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp cho chị N1 thống nhất với nội dung trình bày của chị N1. Đồng thời, có đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết vì cho rằng chị N1 không ký tên vào Tờ cam kết như nguyên đơn trình bày. Sau đó, chị tự nguyện có đơn rút lại yêu cầu giám định và xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa:

- Đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 282.240.000 đồng, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là 18.000.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi suất.

- Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn có đơn xin vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-An Giang phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền hụi và tiền vay còn nợ, tổng cộng là 300.240.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 282.240.000 đồng, chỉ yêu cầu bị đơn trả 18.000.000 đồng. Phía bị đơn thừa nhận còn nợ bị đơn 18.000.000đồng, việc bị đơn không hoàn trả tiền đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền 18.000.000 đồng; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp về hợp đồng góp hụi; hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại xã C, An Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10-An Giang.

[1.2] Về thủ tục ủy quyền:

Nguyên đơn bà Đinh Thị N ủy quyền cho anh Lê Trung T; bị đơn ủy quyền cho chị Thái Thị Diễm T1 tham gia tố tụng, các văn bản ủy quyền đều hợp lệ nên được chấp nhận.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Đại diện hợp pháp cho bị đơn có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu khởi kiện bổ sung: nguyên đơn cho rằng đã ghi tên Nguyễn Huỳnh N1, sinh năm 1994 tại Tờ cam kết ngày 07/01/2023 theo thông tin chị N1 cung cấp. Nên xác định thông tin người bị kiện theo Biên nhận nợ. Tuy nhiên, sau khi biết được thông tin đầy đủ, nguyên đơn xác định họ tên chính xác của chị N1 trong Tờ cam kết nêu trên là Nguyễn Thị Huỳnh N1, sinh năm 1993 nên ngày 27/6/2024 đã làm đơn khởi kiện bổ sung và xác định lại họ tên người bị kiện. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục chung.

Đối với yêu cầu của bị đơn về việc giám định chữ ký, chữ viết tại Tờ cam kết trả nợ ngày 07/01/2023 âm lịch: Do bị đơn cho rằng chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Huỳnh N1 trong tờ biên nhận không phải là chữ ký, chữ viết của chị N1 nên yêu cầu giám định. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 282.240.000 đồng, chỉ yêu cầu bị đơn trả

18.000.000đồng mà bị đơn thừa nhận. Do vậy, bị đơn rút lại yêu cầu giám định. Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ Tờ cam kết trả nợ ngày 07/01/2023 âm lịch, nguyên đơn bà Đinh Thị N khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Huỳnh N1 trả lại số tiền nợ hụi và tiền vay, tổng cộng là 300.240.000 đồng. Bị đơn chị N1 cho rằng việc chơi hụi giữa hai bên chị đã thanh toán xong, chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền lời là 18.000.000 đồng, nhưng theo chị nguyên đơn đã đánh chị để trừ nợ, nên không đồng ý trả nữa. Trên cơ sở thừa nhận của bị đơn, nguyên đơn đã tự nguyện rút lại yêu cầu đối với số tiền 282.240.000 đồng, yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 18.000.000 đồng. Do các bên không thống nhất được số tiền nợ trên dẫn đến phát sinh tranh chấp.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét giao dịch hụi: Thực tế các bên đương sự đều thừa nhận có xác lập giao dịch hụi trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, có nội dung và hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên làm phát sinh, quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

Quá trình tố tụng, phía bị đơn cho rằng giao dịch hụi và vay tiền giữa các bên đã thanh toán xong, bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền lời (tức tiền lãi) là 18.000.000 đồng và cho rằng nguyên đơn đã đánh chị và đập phá đồ nên đã trừ hết nợ. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp cho nguyên đơn khẳng định các bên không có thỏa thuận đánh người trừ nợ. Ngoài lời trình bày của mình, bị đơn không có chứng cứ chứng minh chị đã trả nợ xong. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng tiền thiếu nguyên đơn là tiền lãi, còn nguyên đơn cho rằng tiền bị đơn thiếu là vốn gốc và yêu cầu tính lãi suất. Sau khi được động viên, giải thích, nguyên đơn đồng ý rút lại yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là 18.000.000đồng theo sự thừa nhận nợ của bị đơn. Xét sự thừa nhận của bị đơn là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Việc nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 282.240.000 đồng, là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên cần xem xét đình chỉ đối với yêu cầu đã rút.

[3] Về lãi suất: Ban đầu nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền còn nợ là 300.240.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Đến ngày 27/6/2024 nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn chị N1 phải trả số tiền là 18.000.000đồng và lãi suất theo quy định. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp cho nguyên đơn đồng ý không yêu cầu tính lãi suất. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc không yêu cầu tính lãi suất là tự nguyện, không trái với quy định pháp luật, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của đương sự theo quy định.

Bị đơn chị N1 yêu cầu nguyên đơn cho trả dần số tiền con nợ, mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ, nhưng phía bà N không đồng ý nên Hội đồng xét xử không thể chấp nhận theo yêu cầu của bị đơn, tuy nhiên các đương sự được thỏa thuận cách trả nợ khi có quyết định của cơ quan Thi hành án.

[4] Về án phí: Do yêu cầu được chấp nhận bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92; khoản 2 Điều 94, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 471; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015;

Điều 12 và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị N.

Buộc chị Nguyễn Thị Huỳnh N1 có nghĩa vụ trả cho bà Đinh Thị N số tiền là 18.000.000 đồng *(Mười tám triệu đồng).*

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị N về việc yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh N1 phải trả số tiền 282.240.000 đồng *(Hai trăm tám mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng).*

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu tính lãi suất trên số tiền 18.000.000đồng *(Mười tám triệu đồng).*

Kể từ ngày có Đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về án phí:

Bà Đinh Thị N thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí. Do đó bà N đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định.

Chị Nguyễn Thị Huỳnh N1 phải chịu 900.000đ *(Chín trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND cùng cấp;
- THADS KV 10;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Mỹ Linh